TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – H phúc**

Bản án số: 105/2023/DS-ST

Ngày: 16 - 11 - 2023

V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Nhi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tâm

2. Bà Hà Thị Dung

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Giả Huệ Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa***: Ông Lê Văn Hiển – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2023/QĐST - DS ngày 17 tháng 10 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 66/2023/QĐST - DS ngày 27 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Lê Duy K, sinh năm 1995.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của anh K: anh Võ Trần D, sinh năm 1992. Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

- *Bị đơn*: 1. Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1993. (có mặt)

2. Chị Trần Thị Bé H, sinh năm 1994. (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp M, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Phan Thị H, sinh năm 1976. (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 4 năm 2023, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm anh Võ Trần D – người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Lê Duy K trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết, ngày 11/10/2022 anh Lê D K cho vợ chồng anh Nguyễn Văn Q, chị Trần Thị Bé H vay số tiền 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) không có lãi suất, thời hạn trả tiền vào tháng 02 năm 2023, khi vay anh Q chị H có viết giấy tay mượn tiền và ký tên, điểm chỉ giao cho anh K giữ. Ngày 09/01/2023, anh K tiếp tục cho anh Q, chị H vay số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) không có lãi suất, thời hạn vay 01 tháng trả, khi vay chị H có viết giấy tay mượn tiền và ký tên, điểm chỉ giao cho anh K giữ. Cả hai lần vay tiền đều do anh Q, chị H đi vay và nhận tiền mặt tại nhà anh K, mục đích vay tiền để làm ăn phát triển kinh tế gia đình.Việc thỏa thuận thời hạn trả tiền vào tháng 02 năm 2023 là thỏa thuận miệng, không có ghi trong biên nhận vay tiền. Đến tháng 02 năm 2023, anh Q, chị H không trả tiền vay. Do đó, anh K khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Văn Q, chị Trần Thị Bé H có nghĩa vụ liên đới trả tiền vay còn nợ 480.000.000đ và yêu cầu trả lãi của số tiền 450.000.000đ từ ngày 11/10/2022 đến ngày 27/4/2023 với lãi suất 20%/năm là 49.068.493đ, số tiền 30.000.000đ từ ngày 09/01/2023 đến ngày 27/4/2023 với lãi suất 20%/năm là 1.775.342đ; tổng cộng vốn và lãi là 530.843.835đ (Năm trăm ba mươi triệu tám trăm bốn mươi ba ngàn tám trăm ba mươi lăm đồng).

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi 50.843.835đ (Năm mươi triệu tám trăm bốn mươi ba ngàn tám trăm ba mươi lăm đồng). Nguyên đơn chỉ yêu cầu anh Q, chị H trả số tiền vay còn nợ 480.000.000đ (Bốn trăm tám mươi triệu đồng).

- *Trong quá trình tố tụng bị đơn chị Trần Thị Bé H trình bày*:

Do cần tiền làm ăn vợ chồng chị được người quen chỉ đến gặp bà Phan Thị H (mẹ anh Lê D K) vay tiền. Ngày 29/6/2020, vợ chồng chị đến nhà bà H vay số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng), theo thỏa thuận vợ chồng chị phải sang tên quyền sử dụng đất thửa đất 95, tờ bản đồ 20, diện tích 2078,4m^2 và thửa đất 55, tờ bản đồ 20, diện tích 1985,7m^2, mục đích sử dụng đất lúa, cùng tọa lạc tại xã Mỹ TH, huyện Ba Tri do anh Q đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H, khi nào vợ chồng chị trả hết tiền thì bà H trả lại đất. Cùng ngày 29/6/2020, vợ chồng, chị và bà H đến Văn phòng công chứng Nguyễn Văn Mới (xã Mỹ Lồng, huyện Giồng Trôm) ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tại Văn phòng công chứng vợ chồng chị giao 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H giữ, bà H đưa trước cho vợ chồng chị 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), số tiền còn lại 150.000.000đ trong thời gian chờ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà H đưa dần dần nhiều lần và trừ lại 10.000.000đ (Mười triệu đồng) chi phí làm thủ tục sang tên; tổng số tiền vợ chồng chị nhận của bà H là 240.000.000đ (Hai trăm bốn mươi triệu đồng); bà H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 95 và thửa đất 55, cùng tờ bản đồ 20. Khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, tổng số tiền 240.000.000đ là giao nhận trực tiếp, không lập biên nhận vay tiền, khi vay hai bên cũng không thỏa thuận thời hạn trả mà chỉ nói khi nào trả tiền xong thì bà H trả lại đất. Tiền vay là nhận trực tiếp từ bà H, lúc này vợ chồng chị không biết anh K. Mục đích vay tiền để

về cho người khác mượn lại nhưng do người mượn không trả nên vợ chồng chị không có tiền đóng lãi cho bà H. Sau khi mượn vài tháng bà H có điện thoại nhắc kêu đóng lãi nhưng vợ chồng chị không có tiền nên chưa đóng. Khoảng cuối năm 2021 đầu năm 2022, chị đến tiệm điện thoại ở chợ Mỹ Lồng, đưa tiền mặt và nhờ người ta chuyển khoản trả lãi 10.000.000đ cho bà H. Ngày 11/10/2022, người thân bệnh không có tiền nên vợ chồng chị đến gặp bà H vay thêm 20.000.000đ, lúc này bà H tính lãi của số tiền vay 250.000.000đ vợ chồng chị nợ tiền lãi 03 năm chưa đóng là 180.000.000đ (mỗi tháng 5.000.000đ), cộng với tiền vay 250.000.000đ, cộng với tiền vay mới 20.000.000đ, tổng cộng là 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng). Bà H nói số tiền nợ này bà sang qua cho con bà là anh Lê D K, lúc này vợ chồng chị mới biết anh K, bà H kêu chị viết giấy nợ với anh K, bà H đọc nội dung cho chị viết rồi vợ chồng chị cùng ký tên, lăn tay giao cho bà H giữ. Biên nhận ngày 11/10/2022 được lập tại nhà bà H, chỉ lập 01 bản. Sau đó, vợ chồng chị xem lại hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 29/6/2020 thấy thời gian vay chưa tới 03 năm nên điện thoại cho bà H thì bà H nói để khi nào trả tiền sẽ tính lại. Khi hai bên cộng tiền vay và tiền lãi thành 450.000.000đ thì bà H, anh K có dùng điện thoại quay phim lại, sau đó bà H có gửi đoạn phim này cho chị anh Q để gia đình biết tiền nợ và nhanh chóng trả.

Ngày 09/01/2023, người thân bị bệnh nên chị đến gặp bà H hỏi vay thêm 30.000.000đ, bà H kêu đến gặp anh K (anh K có nhà riêng tại chợ Mỹ Lồng – Giồng Trôm), anh Khanh cho chị vay 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) và yêu cầu chị viết biên nhận nợ, ký tên, lăn tay. Biên nhận nợ ngày 09/01/2023 chỉ lập một bản giao cho anh K giữ. Khi vay hai bên không nói lãi suất, không nói thời hạn trả.

Đến khoảng tháng 3 - 4 năm 2023, bà H nhắn tin yêu cầu vợ chồng chị trả số tiền 480.000.000đ là xong, gửi số tài khoản ngân hàng và nói nếu không trả tiền thì bà sẽ bán đất cho người khác, sau này vợ chồng chị tự giải quyết với người mua đất.

Chị thừa nhận 02 biên nhận vay tiền ngày 11/10/2022 và ngày 09/01/2023 do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là do chị viết, chữ ký, điểm chỉ (lăn tay) trong 02 biên nhận đúng là của chị và anh Q.

Chị xác định vợ chồng chị chỉ vay của anh K 30.000.000đ vào ngày 09/01/2023 và đồng ý trả cho anh K số tiền 30.000.000đ và trả lãi cho anh K theo quy định pháp luật. Còn số tiền 450.000.000đ lập ngày 11/10/2022 là tiền vợ chồng chị vay của bà H, trong đó tiền vay là 270.000.000đ, tiền lãi là 180.000.000đ, số tiền này chị không có vay của anh K nên không đồng ý trả cho anh K. Vợ chồng chị đồng ý trả số tiền vay này cho bà H nếu bà H có yêu cầu; đồng thời yêu cầu bà H làm thủ tục sang tên hai thửa đất 95 và 55, cùng tờ bản đồ 20 lại cho vợ chồng chị.

- *Trong quá trình tố tụng bị đơn anh Nguyễn Văn Q trình bày*: Anh thống nhất với lời trình bày của vợ anh - chị Trần Thị Bé H, không bổ sung gì thêm.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Nguyễn Văn Q, chị Trần Thị Bé H vắng mặt không lý do.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 09 tháng 9 năm 2023 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị H trình bày:

Bà là mẹ đẻ của anh Lê Duy K, với anh Nguyễn Văn Q, chị Trần Thị Bé H có quan hệ quen biết. Anh K đã lập gia đình và ra ở riêng tại xã Lương Quới – huyện Giồng Trôm từ năm 2019 đến nay, anh K làm ăn riêng, bà không tham gia và cũng không biết việc làm ăn của anh K. Việc anh K và anh Q, chị H có làm ăn vay tiền qua lại với nhau bà không biết và bà cũng không liên quan đến việc này. Việc tranh chấp giữa anh K và vợ chồng anh Q, chị H là việc làm ăn riêng của hai bên, bà không liên quan. Nếu anh Q, chị H có tranh chấp với bà thì có thể kiện bằng một vụ kiện khác. Do bà không liên quan đến vụ án nên bà xin từ chối tham gia tố tụng và yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, xét thấy trong quá trình tố tụng, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71, 73 Bộ luật tố tụng dân sự và chấp hành nghiêm nội quy phiên tòa. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do là chưa thực hiện nghiêm quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, nhận thấy thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Do đó,vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Áp dụng khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, các điều 463, 466 Bộ luật dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Duy K đối với số tiền lãi 50.843.835đ. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Duy K, buộc bị đơn anh Nguyễn Văn Q và chị Trần Thị Bé H có nghĩa vụ liên đới trả cho anh K số tiền vay còn nợ 480.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn Q và chị Trần Thị Bé H đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không lý do, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị H có đơn yêu cầu giải quyết xét xét vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn Q, chị Trần Thị Bé H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị H.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi 50.843.835đ (Năm mươi triệu tám trăm bốn mươi ba ngàn tám trăm ba mươi lăm đồng) là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nội dung: Anh K cho rằng ngày 11/10/2022 cho anh Q, chị H vay số tiền

450.000.000đ, ngày 09/01/2023 cho vay thêm số tiền 30.000.000đ, tổng cộng là 480.000.000đ, không có lãi, thời hạn trả tiền vào tháng 02/2023, giao nhận tiền mặt trực tiếp tại nhà anh; anh Q, chị H viết giấy tay biên nhận nợ và ký tên, điểm chỉ giao cho anh giữ. Đến hạn anh Q, chị H không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên phát sinh tranh chấp. Anh K yêu cầu anh Q, chị H có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay còn nợ 480.000.000đ.

[4] Anh Q, chị H thừa nhận có vay của anh K số tiền 30.000.000đ vào ngày 09/01/2023 nhưng chưa trả và đồng ý trả số tiền nợ 30.000.000đ cho anh K. Đây là sự thừa nhận của bị đơn nên nguyên đơn không chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Anh Q, chị H cho rằng số tiền nợ 450.000.000đ là vợ chồng anh chị vay của bà Phan Thị H – mẹ anh K chứ không có vay của anh K, trong đó gồm: tiền vay 270.000.000đ vào năm 2020 và tiền lãi 180.000.000đ và vợ chồng anh đã chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất 95, tờ bản đồ 20, diện tích 2078,4m^2 thửa đất 55, tờ bản đồ 20, diện tích 1985,7m^2, mục đích sử dụng đất lúa, cùng tọa lạc tại xã Mỹ Thạnh, huyện Ba Tri do anh Q đứng tên sang cho bà H để làm tin, khi nào trả tiền xong thì bà H trả lại đất.

[6] Tại 02 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh Nguyễn Văn Q, chị Trần Thị Bé H và bà Phan Thị H ngày 29/10/2020 có nội dung anh Q, chị H chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa 95, tờ bản đồ 20, diện tích 2078,4m^2 và thửa 55, tờ bản đồ 20, diện tích 1985,7m^2, mục đích sử dụng đất lúa, cùng tọa lạc tại xã Mỹ Thạnh, huyện Ba Tri cho bà H, giá chuyển nhượng mỗi thửa là 50.000.000đ, phương thức thanh toán tiền mặt. Anh Q, chị H xác nhận sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng bà H đã giao cho anh, chị số tiền 100.000.000đ; bà H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất trên. Anh Q, chị H cho rằng chuyển nhượng 02 thửa đất nêu trên cho bà H nhằm đảm bảo cho khoản nợ vay chứ hai bên không có thỏa thuận mua bán đất nhưng anh Q, chị H không đưa ra được chứng cứ chứng minh có vay tiền của bà H và có trả lãi, cũng không đưa ra được chứng cứ chứng số tiền vay 450.000.000đ là được cộng dồn gồm 270.000.000đ tiền vay và 180.000.000đ tiền lãi, không cung cấp được đoạn phim, số tài khoản, tin nhắn trao đổi với bà H. Bà H không thừa nhận số tiền cho vay 450.000.000đ trên là của bà. Đồng thời, anh Q, chị H thừa nhận chữ viết, chữ ký, điểm chỉ trong giấy tay biên nhận vay tiền ngày 11/10/2022 do nguyên đơn cung cấp đúng là chữ viết, chữ ký, điểm chỉ của anh, chị. Qua đó, có cơ sở xác định anh Q, chị H có vay của anh K số tiền 450.000.000đ và chưa trả. Do anh Q, chị H vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên anh K khởi kiện yêu cầu anh Q, chị H trả số tiền vay còn nợ tổng cộng 480.000.000đ là phù hợp với quy định tại các điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Xét lời trình bày của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: 20.000.000đ + (4% x

80.000.000đ) = 23.200.000đ (Hai mươi ba triệu hai trăm ngàn đồng), do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh K được chấp nhận nên bị đơn anh Q và chị H phải chịu theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 227, 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 288, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Duy K đối với yêu cầu trả tiền lãi 50.843.835đ (Năm mươi triệu tám trăm bốn mươi ba ngàn tám trăm ba mươi lăm đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Duy K. Buộc bị đơn anh Nguyễn Văn Q và chị Trần Thị Bé H có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Lê Duy K số tiền vay còn nợ 480.000.000đ (Bốn trăm tám mươi triệu đồng).

3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 23.200.000đ (Hai mươi ba triệu hai trăm ngàn đồng), buộc bị đơn anh Nguyễn Văn Q và chị Trần Thị Bé H có nghĩa vụ liên đới nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Hoàn trả cho anh Lê Duy K số tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.600.000đ (Mười một triệu sáu trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004201 ngày 28/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tròn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phúc thẩm.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Phương Nhi